

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HS-ST

Ngày: 15-7-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông

2. Bà Trần Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2020/ TLST –HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXXST-HS ngày 17/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐHPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1997 tại Thanh H; Nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và bà Trần Thị B, sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 30/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”; Ngày 28/01/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 22/01/2020, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bình Định khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 16 tháng 12 năm 2019 đến nay, hiện đang tạm giam trong vụ án khác; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Trần Quang T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số nhà 07, đường Nguyễn N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Kim T, huyện I, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

2. Chị Trần Thị N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số nhà 37, đường Phạm Thị Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Vắng mặt).

3. Anh Trần T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 9 năm 2019, Nguyễn Văn Đ nhận được 01 giấy chứng minh nhân dân số 230834442; 01 giấy phép lái xe số AH 746741 đều mang tên Nguyễn Văn T tại khu vực bến xe thị xã A, tỉnh Gia Lai và cất giữ trong người. Đến khoảng 08 giờ ngày 24/10/2019, Nguyễn Văn Đ thuê xe khách từ nhà trọ ở thị xã A, tỉnh Gia Lai đến thành phố Quy Nhơn để tìm cách chiếm đoạt xe máy của người khác bán lấy tiền tiêu xài.

Để thực hiện mục đích này, Đ nảy sinh ý định sửa chữa giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh Nguyễn Văn T để sử dụng thuê xe máy. Sau đó, Đ chụp ảnh thẻ rồi nhờ một người ép nhựa dạo (không rõ lai lịch) sửa chữa năm sinh và thay ảnh của Đ vào giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh Nguyễn Văn T. Cùng ngày hôm đó, Đ đến cửa hàng cho thuê xe máy ở số nhà 07, đường Nguyễn N, thành phố Q gặp anh Trần Quang T hỏi thuê chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 77H1-401.22. Để tạo niềm tin với anh T, Đ giao giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã sửa chữa và 500.000 đồng để tạm ứng thanh toán tiền thuê xe. Anh T thấy ảnh trong giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giống với Đ nên tin tưởng, lập hợp đồng cho Đ thuê xe và giao xe cho Đ quản lý, sử dụng. Sau khi thuê được xe, Đ tìm cách bán nhưng không được nên giữ xe lại sử dụng.

Khoảng tháng 11 năm 2019, Đ điều khiển xe mô tô 77H1 - 401.22 vào tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhờ anh Trần T giữ hộ xe, rồi đón xe khách về nhà trọ ở thị xã A, tỉnh Gia Lai. Khoảng 02 tuần sau, Đ nhờ T gửi xe mô tô 77H1-401.22 cho Đ để tiếp tục sử dụng.

Ngày 16/12/2019, Đ bị Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai bắt truy nã và tạm giữ xe mô tô 77H1-401.22.

Đến thời hạn trả xe nhưng không thấy Đ quay lại, anh T gọi điện vào số 0963436787 mà Đ để lại nhưng không được. Ngày 21/12/2019, anh T làm đơn trình báo vụ việc với cơ quan Công an.

Ngày 23/12/2019, Công an thành phố Q nhận được Công văn số 02/CV của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai về việc Nguyễn Văn Đ bị bắt truy nã và đang tạm giữ tại Công an huyện Đ, Gia Lai về tội “Trộm cắp tài sản”. Quá trình điều tra, Đ đã khai nhận hành vi chiếm đoạt xe mô tô 77H1-401.22 của anh T và thực hiện nhiều vụ chiếm đoạt tài sản khác tại huyện T, tỉnh Bình Định; huyện K, tỉnh Gia Lai; huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Ngày 05/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 77H1-401.22 trị giá 22.000.000 đồng.

Ngày 21/02/2020, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số: 230834442 và giấy phép lái xe số: AH: 746741 là thật nhưng tại mục năm sinh đã bị sửa chữa và tại vị trí ảnh đã bị bóc tách thay ảnh khác.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã tạm giữ: Xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 77H1-401.22 và đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Quang T. Anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường gì về giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã mất.

- Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSQN ngày 29/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố Nguyễn Văn Đ về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 340 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 174, khoản 1 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ **15 đến 18 tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ **06 đến 09 tháng tù** về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Anh Trần Quang T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường gì về giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã mất nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng cuối tháng 9 năm 2019, bị cáo Nguyễn Văn Đ nhặt được 01 giấy chứng minh nhân dân số 230834442 và 01 giấy phép lái xe số AH 746741 đều mang tên Nguyễn Văn T tại khu vực bến xe thị xã A, tỉnh Gia Lai. Với ý định muốn chiếm đoạt xe máy của người khác bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo nảy sinh ý định sửa chữa giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh Nguyễn Văn T để sử dụng thuê xe máy rồi chiếm đoạt. Bị cáo thuê xe khách từ thị xã A, tỉnh Gia Lai đến thành phố Q để tìm cách chiếm đoạt tài sản. Ngày 24/10/2019, bị cáo giả vờ thuê xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 77H1- 401.22 của anh Trần Quang T tại cửa hàng cho thuê xe máy số 07 đường Nguyễn N, thành phố Q, nhằm mục đích chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 340 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn Đ có sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, xem thường pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có tiền án về tội “Giao cấu với trẻ em” chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên xem xét xử bị cáo với mức án tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

- Xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 77H1-401.22 do chị Trần Thị N là chủ sở hữu, chị N giao xe cho anh Trần Quang T để cho thuê. Bị cáo thuê xe này của anh T hiện xe đã thu hồi trả lại cho chị N, anh T. Chị N và anh T không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

- Giấy chứng minh nhân dân số 230834442 và 01 giấy phép lái xe số AH 746741 đều mang tên Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T không biết việc bị cáo dùng giấy tờ của mình thay đổi hình ảnh để thuê xe nhằm chiếm đoạt. Các giấy tờ này, anh T tự đi làm lại, không yêu cầu gì về bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Vấn đề khác:

- Đối với anh Trần T cho bị cáo gửi nhờ xe mô tô 77H1-401.22 tại nhà trọ của mình ở phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng anh không biết xe này do bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có nên không phạm tội.

- Đối với người đàn ông giúp bị cáo sửa chữa giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe hiện không rõ lai lịch nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 340, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của các tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Phương Thảo